

Bản án số: 32/2019/HC- PT

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

V/v: kiện yêu cầu hủy quyết định
giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên cao cấp.

Hôm nay, ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 50/2019/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2019 về “*Kiến yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1950; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Thiệu S, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, có mặt. (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 163/GUQ-CT ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phan Hải P, chức vụ Trưởng phòng Tư pháp thị xã B, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn D, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phạm Văn D trình bày:

Thứ nhất: ông Phạm Văn D được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q và Phòng lao động thương binh và xã hội (LĐTB&XH) thị xã B xét duyệt cấp kinh phí hỗ trợ 40.000.000 đồng tiền làm nhà đối với người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng chính phủ, nhưng Phòng Lao động thương binh xã hội thị xã B chỉ thanh toán cho ông 22.500.000 đồng, còn 17.500.000 đồng không chi trả với lý do trước đây Công ty V hỗ trợ cho ông làm nhà, ông D cho rằng số tiền 17.500.000 đồng trước đây Công ty V hỗ trợ cho ông không liên quan đến số tiền ông được hỗ trợ 40.000.000 đồng theo quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng chính phủ. Vì vậy, ông Phạm Văn D yêu cầu Phòng Lao động thương binh xã hội thị xã B phải giải quyết chi trả cho ông số tiền còn thiếu 17.500.000 đồng theo đúng quy định của Nhà nước.

Nội dung thứ hai: Gia đình ông D sử dụng đất gắn liền với nhà ở từ năm 1970 đến nay tại xã Q, thị xã B với diện tích khoảng 36.000m², nhưng UBND thị xã B không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất thực tế gia đình ông đã sử dụng.

Ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND thị xã B. Tại Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã giải quyết nhưng do không nhất trí với kết quả giải quyết này nên ông Phạm Văn D khởi kiện hành chính yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại trên của Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình trình bày:

Năm 2013, ông Phạm Văn D được Quỹ Thiện Tâm Công ty Cổ phần V đồng ý hỗ trợ kinh phí làm nhà, trong quá trình triển khai do ông D không thực hiện đúng cam kết làm nhà theo tiêu chí của nhà tài trợ nên Quỹ Thiện Tâm Công ty cổ phần V đã cắt kinh phí không hỗ trợ cho ông D. Sau đó thấy ông D thuộc đối tượng người có công, hoàn cảnh khó khăn về nhà ở nên Phòng LĐTB&XH thị xã B đã phối hợp với UBND xã Q xem xét làm thủ tục để ông D được hưởng chính sách theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng chính phủ. Do ngày 16 tháng 9 năm 2013 ông D đã tạm ứng số tiền 17.500.000 đồng từ Phòng LĐTB&XH thị xã B theo dự án tài trợ Quỹ Thiện Tâm Công ty cổ phần V nên Phòng LĐTB&XH thị xã B yêu cầu UBND xã Q chi trả 40.000.000 đồng cho ông D theo quy định, nhưng thu lại số tiền 17.500.000 đồng đã ứng vào ngày 16/9/2013 và trên thực tế ông D đã nhận đủ số tiền trên.

Đối với nội dung khiếu nại về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ hồ sơ địa chính lưu trữ thì thửa đất ông D đang sử dụng tại thửa 410, tờ bản đồ 07 diện tích 2.499m² (bản đồ năm 1995). Năm 2006 xã Q được Nhà nước đầu tư cho vẽ lại bản đồ địa chính thì thửa đất ông D đang sử dụng có diện tích 5.564,7m². Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất ông D chưa thực hiện đăng ký kê khai sử dụng đất và chưa có đơn đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào tại UBND xã Q. Về phía UBND xã Q chỉ tiếp nhận các đơn khiếu nại của ông D về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất ông đang trồng cây. Ngày 10/9/2014 UBND xã Q mời ông D đến ký hồ sơ để xã trình cấp có thẩm quyền xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 5.564,7m² nhưng ông D yêu cầu Xã phải lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích trên 15.000m² bao gồm cả đất trồng rừng ở khu vực Đ nhưng trong bản đồ quy hoạch nông thôn mới do UBND huyện Q phê duyệt năm 2012 thửa đất này dùng để khai thác đất sét phục vụ cho công nghiệp.

Chủ tịch UBND thị xã cho rằng ông D chưa thực hiện thủ tục hành chính về đất đai theo quy định tại khoản 15 Điều 3, Điều 5 Luật đất đai năm 2013. Hơn nữa ông D đã ly hôn bà Phạm Thị Huân theo thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung ông D và bà Huân không yêu cầu Tòa án giải quyết nên yêu cầu ông D và bà Huân làm giấy thỏa thuận về tài sản theo đúng quy định trước khi thực hiện việc đăng ký kê khai tại UBND xã Q cũng như xây dựng hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

- Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 95, Điều 96 Luật đất đai năm 2013, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1624/QĐ - UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình về tiền hỗ trợ làm nhà ở và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 22-11-2018, người khởi kiện ông Phạm Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hành chính.
- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 21 tháng 8 năm 2018, Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 1624/QĐ – UBND để giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn D với hai nội dung: ông D có đất ở gắn liền với nhà và đã sử dụng từ năm 1970 đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời năm 2013 ông D được cấp hỗ trợ kinh phí 40.000.000 đồng để xây dựng nhà nhưng ông mới chỉ nhận có 22.500.000 đồng, còn lại 17.500.000 đồng ông chưa được nhận; quyết định 1624 nêu trên đã không công nhận hai yêu cầu khiếu nại trên. Phạm Văn D đã khởi kiện vụ án hành chính để yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại trên của Chủ tịch UBND thị xã B.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn D thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu được nhận tiếp số tiền 17.500.000 đồng tiền hỗ trợ làm nhà theo chế độ người có công. Vào năm 2012 quỹ Thiện Tâm của Công ty cổ phần V hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho Thương binh, gia đình liệt sĩ tại địa bàn tỉnh Quảng Bình, mức hỗ trợ mỗi gia đình 35.000.000 đồng, ông Phạm Văn D là Thương binh nên được giới thiệu để hỗ trợ tiền làm nhà của công ty này. Năm 2013, Công ty cổ phần V chuyển một phần kinh phí về Phòng lao động Thương binh và xã hội huyện Q để thực hiện thực hiện chi tạm ứng đối với 30 gia đình, ngày 16 tháng 9 năm 2013 Phòng LĐTB&XH huyện Q (nay là thị xã B) cho ông Phạm Văn D tạm ứng số tiền 17.500.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện ông Phạm Văn D không thực hiện đúng cam kết theo tiêu chí của nhà tài trợ nên Công ty cổ phần V đã tự cắt không tài trợ làm nhà cho ông Phạm Văn D nữa.

Sau đó, ông Phạm Văn D được UBND thị xã B cấp kinh phí hỗ trợ tiền làm nhà theo Quyết định số 22/2013/QĐ – TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở. Tại Quyết định số 1046/QĐ – UBND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của UBND thị xã B thì ông Phạm Văn D được hỗ trợ 40.000.000 đồng để làm nhà và ông D đã nhận đủ số tiền nói trên nhưng sau đó bị thu lại 17.500.000 đồng để khấu trừ tiền đã ứng trước đó.

Vì vậy bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu này của ông Phạm

Văn D là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Đối với khiếu nại của ông Phạm Văn D về đất ở gắn liền với nhà 50 năm nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy: Ông Phạm Văn D đã sử dụng một diện tích đất 2.499m² tại thửa số 410, tờ bản đồ số 07 bản đồ địa chính xã Q được phê duyệt năm 1995; năm 2006 thì được xác định lại là thửa 323, tờ bản đồ số 06, có diện tích 5.564,7m² tại xã Q, huyện Q (nay là thị xã B). Quá trình sử dụng đất ông D chưa kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại cấp có thẩm quyền, ông D cũng chưa làm đơn đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại diện tích đất ông đang sử dụng theo quy định tại Điều 95 và 96 Luật đất đai năm 2013. UBND xã Q đã lập hồ sơ để ông D ký xác nhận, đề nghị UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông D không nhất trí vì cho rằng diện tích đất sử dụng thực tế của ông lớn hơn, bao gồm cả thửa đất rừng trồng sản xuất liền kề có số thửa 228, tờ bản đồ số 14, diện tích 29.251m² (khu đất này đã được quy hoạch năm 2012 dùng để khai thác đất sét phục vụ cho công nghiệp, và thực tế đang cho thuê xây dựng mỏ sét Đ). Ông D không thực hiện kê khai việc sử dụng đất của mình trình cấp có thẩm quyền xem xét là chưa thực hiện đúng các quy định về thủ tục đăng ký sử dụng đất. Do vậy bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên thấy việc ông Phạm Văn D kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1624/QĐ – UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình là không có căn cứ. Vì vậy cần bác kháng cáo của ông Phạm Văn D và giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm là hợp lý.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn D là Thương binh, là người có công với cách mạng nên được miễn án phí phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Văn D và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1624/QĐ - UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình về tiền hỗ trợ làm nhà ở và

việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Án phí hành chính phúc thẩm ông D được miễn nộp.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long